

Số: 11/2025/GCN-ĐLS-ĐTBD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Chứng nhận tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ luật sư  
(Đợt 11 năm 2025)**

**ĐOÀN LUẬT SƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BTP ngày 15/3/2019 của Bộ trưởng Tư pháp quy định nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư;

Căn cứ Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam;

Căn cứ Nội quy Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Ban Đào tạo, Bồi dưỡng và Văn phòng Đoàn Luật sư,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Chứng nhận 170 luật sư đã tham gia chương trình bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ luật sư do Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức (danh sách kèm theo).

- **Nội dung:** “*Những điểm mới của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và những vấn đề luật sư cần lưu ý khi vận dụng trong thực tiễn hành nghề luật sư*”.

- **Trình bày:** Luật sư **Bùi Ngọc Hồng**, Luật sư thành viên Công ty Luật TNHH LNT.

- **Thời gian:** Ngày 25 tháng 10 năm 2025.

- **Hình thức bồi dưỡng:** Tham gia trực tiếp lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ luật sư.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và trong năm tổ chức bồi dưỡng.

**Điều 3:** Ban Đào tạo, Bồi dưỡng, Văn phòng Đoàn Luật sư, luật sư có tên trong danh sách kèm theo, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Chủ nhiệm (để b/c);
- Website Đoàn Luật sư;
- Lưu VT, Ban ĐTBD.

**KT. CHỦ NHIỆM  
PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Luật sư Nguyễn Hải Nam**

## DANH SÁCH LUẬT SƯ

**Được chứng nhận tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2025/GCN-ĐLS-ĐTBD ngày 29 tháng 10 năm 2025  
của Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh)

\*\*\*\*\*

| SỐ | HỌ VÀ TÊN LUẬT SƯ     | NĂM SINH | SỐ THẺ | ĐOÀN LUẬT SƯ    | THỜI GIAN |
|----|-----------------------|----------|--------|-----------------|-----------|
| 1  | Lê Thị Thuý An        | 1988     | 10399  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 2  | Nguyễn Tuấn Anh       | 1978     | 16251  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 3  | Phạm Thị Quỳnh Anh    | 1994     | 21636  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 4  | Phạm Văn Anh          | 1983     | 10402  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 5  | Lê Hồng Hoàng Anh     | 1985     | 13275  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 6  | Mai Thị Ngọc Ánh      | 1985     | 7566   | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 7  | Mã Văn Bình           | 1985     | 24112  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 8  | Huỳnh Ái Chân         | 1988     | 14671  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 9  | Vũ Văn Châu           | 1958     | 2250   | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 10 | Lê Thị Minh Châu      | 1993     | 18233  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 11 | Nguyễn Ngọc Châu      | 1997     | 21091  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 12 | Nguyễn Ngọc Minh Châu | 1993     | 21778  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 13 | Nguyễn Thị Ánh Châu   | 1983     | 13551  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 14 | Bùi Văn Chi           | 1972     | 20411  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 15 | Nguyễn Văn Chính      | 1950     | 9457   | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 16 | Lê Huân Chính         | 1975     | 2283   | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 17 | Huỳnh Thị Chung       | 1995     | 22462  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 18 | Nguyễn Hồng Cơ        | 1972     | 7955   | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 19 | Phan Trọng Cường      | 1984     | 17859  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 20 | Phạm Thanh Điền       | 1964     | 2438   | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 21 | Nguyễn Thị Ngọc Diệp  | 1966     | 22708  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 22 | Cao Xuân Dinh         | 1970     | 12178  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 23 | Ngô Thị Đông          | 1988     | 21226  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 24 | Đỗ Thành Đức          | 1960     | 2458   | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 25 | Vũ Văn Đức            | 1971     | 15169  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 26 | Nông Minh Đức         | 1977     | 2460   | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 27 | Dương Công Duệ        | 1983     | 15857  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 28 | Vũ Thị Ngọc Dung      | 1971     | 7809   | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 29 | Phạm Quốc Dũng        | 1973     | 16287  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |
| 30 | Hà Trọng Quốc Dũng    | 1995     | 22467  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ     |

TP. HỒ CHÍ MINH  
B  
CHỖ  
10/10

|    |                      |      |       |                 |       |
|----|----------------------|------|-------|-----------------|-------|
| 31 | Nguyễn Văn Duy       | 1958 | 15873 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 32 | Đặng Thị Bích Hà     | 1974 | 13556 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 33 | Lê Trường Hải        | 1992 | 21100 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 34 | Lâm Thị Hải          | 1978 | 20653 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 35 | Trần Thu Hiền        | 1979 | 6234  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 36 | Lê Thị Hiệp          | 1959 | 14091 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 37 | Nguyễn Quang Hiệp    | 1976 | 15175 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 38 | Vũ Thế Hiệp          | 1972 | 8220  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 39 | Bùi Ngọc Hiếu        | 1976 | 803   | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 40 | Võ Kim Hiếu          | 1977 | 12423 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 41 | Trần Xuân Hiếu       | 1984 | 8820  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 42 | Lưu Long Hồ          | 1978 | 10433 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 43 | Ngô Viết Hoa         | 1984 | 11746 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 44 | Nguyễn Thị Lệ Hoa    | 1992 | 22480 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 45 | Võ Ngọc Mai Hoa      | 1992 | 21590 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 46 | Trần Thị Ngọc Hoà    | 1996 | 23090 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 47 | Võ Phước Hoàng       | 1965 | 2652  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 48 | Phạm Minh Hoàng      | 1972 | 2653  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 49 | Tạ Thúc Hoàng        | 1967 | 16682 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 50 | Cao Thị Phi Hoàng    | 1972 | 12810 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 51 | Nguyễn Hữu Hoàng     | 1983 | 7328  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 52 | Nguyễn Thanh Hồng    | 1968 | 2670  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 53 | Nguyễn Văn Hồng      | 1980 | 5711  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 54 | Lê Việt Hùng         | 1967 | 2701  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 55 | Chu Văn Hưng         | 1971 | 2732  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 56 | Huỳnh Thanh Hưng     | 1984 | 10444 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 57 | Hoàng Ngọc Hương     | 1992 | 16150 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 58 | Huỳnh Thị Diễm Hương | 1988 | 18325 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 59 | Hà Thị Hồng Hương    | 1984 | 6265  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 60 | Trần Quốc Hương      | 1973 | 2747  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 61 | Lê Xuân Huy          | 1973 | 11549 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 62 | Phạm Đức Huy         | 1993 | 15403 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 63 | Đỗ Hồi Khanh         | 1984 | 16046 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 64 | Phạm Văn Khánh       | 1979 | 2041  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 65 | Nguyễn Anh Khoa      | 1979 | 2778  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |

|     |                        |      |       |                 |       |
|-----|------------------------|------|-------|-----------------|-------|
| 66  | Châu Minh Khoa         | 1996 | 21114 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 67  | Nguyễn Ngọc Lạc        | 1952 | 8070  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 68  | Trần Thị Lan           | 1994 | 16054 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 69  | Phan Thị Lan           | 1962 | 16053 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 70  | Nguyễn Thị Lan         | 1980 | 5293  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 71  | Trần Kim Lanh          | 1996 | 22670 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 72  | Mạc Quốc Liên          | 1959 | 2866  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 73  | Võ Thị Kim Liên        | 1993 | 21236 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 74  | Nguyễn Mỹ Liên         | 1996 | 22862 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 75  | Trần Thị Thuý Linh     | 1996 | 22252 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 76  | Bùi Trung Linh         | 1980 | 7133  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 77  | Nguyễn Long            | 1976 | 10471 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 78  | Trần Tiến Lực          | 1993 | 20188 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 79  | Trần Hải Lý            | 1984 | 11559 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 80  | Lê Thị Thanh Mai       | 1981 | 2963  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 81  | Nguyễn Thị Tố Mai      | 1994 | 21385 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 82  | Nguyễn Hữu Mạnh        | 1986 | 13228 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 83  | Nguyễn Thanh Minh      | 1969 | 2978  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 84  | Đinh Quang Minh        | 1989 | 10816 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 85  | Tổng Quang Minh        | 1955 | 2979  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 86  | Nguyễn Thị Trà My      | 1996 | 21805 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 87  | Bùi Thị Huyền My       | 1995 | 21183 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 88  | Trần Thị Nga           | 1981 | 21686 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 89  | Lê Thị Thanh Nga       | 1985 | 7400  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 90  | Trần Ái Nghi           | 1993 | 18747 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 91  | Nguyễn Văn Ngọc        | 1958 | 15193 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 92  | Lâm Bội Ngọc           | 1988 | 9568  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 93  | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | 1951 | 6309  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 94  | Huỳnh Thị Hồng Nguyệt  | 1997 | 21390 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 95  | Hồ Minh Nhật           | 1988 | 9579  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 96  | Nguyễn Thị Yến Nhi     | 1982 | 6311  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 97  | Trần Thị Quỳnh Như     | 1997 | 21602 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 98  | Nguyễn Thị Hoàng Oanh  | 1990 | 17160 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 99  | Trần Thị Hoàng Oanh    | 1983 | 8522  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 100 | Nguyễn Tấn Phát        | 1998 | 23588 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |



|     |                        |      |       |                 |       |
|-----|------------------------|------|-------|-----------------|-------|
| 101 | Nguyễn Đình Cao Phi    | 1974 | 10061 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 102 | Phùng Lưu Tấn Phú      | 1972 | 3157  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 103 | Nguyễn Thị Lan Phương  | 1976 | 22182 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 104 | Ngô Thị Mỹ Phương      | 1992 | 24156 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 105 | Hồ Văn Quang           | 1983 | 9594  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 106 | Nguyễn Ngọc Quảng      | 1975 | 453   | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 107 | Nguyễn Trương Quốc     | 1991 | 14364 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 108 | Nguyễn Thị Bích Quyên  | 1994 | 23116 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 109 | Nguyễn Thị Tuấn Quyên  | 1981 | 6325  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 110 | Phan Thị Hạnh Quyên    | 1995 | 21607 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 111 | Huỳnh Thị Thu Sa       | 1982 | 6614  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 112 | Vũ Thị Sao             | 1992 | 20590 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 113 | Nguyễn Khắc Sĩ         | 1984 | 5299  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 114 | Lê Tấn Sinh            | 1987 | 9601  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 115 | Nguyễn Thị Ngọc Tài    | 1976 | 5104  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 116 | Nguyễn Văn Tâm         | 1968 | 3315  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 117 | Nguyễn Thị Tịnh Tâm    | 1979 | 5300  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 118 | Nguyễn Duy Tấn         | 1988 | 19511 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 119 | Lê Thị Hồng Thắm       | 1989 | 13023 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 120 | Lại Thị Lệ Thanh       | 1974 | 3365  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 121 | Lê Thụy Anh Thảo       | 1999 | 23944 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 122 | Đặng Hồng Phương Thảo  | 1998 | 23124 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 123 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 1995 | 22536 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 124 | Nguyễn Công Thiện      | 1959 | 3443  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 125 | Bùi Công Thiệu         | 1963 | 9626  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 126 | Vũ Viết Thịnh          | 1987 | 9627  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 127 | Dương Hữu Thịnh        | 1990 | 22906 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 128 | Trần Quang Thịnh       | 1973 | 12467 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 129 | Nguyễn Phùng Thọ       | 1996 | 21469 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 130 | Nguyễn Hữu Thọ         | 1986 | 13326 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 131 | Phạm Thị Thoả          | 1990 | 13328 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 132 | Hoàng Thị Hoa Thơm     | 1977 | 3475  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 133 | Phạm Thị Thu           | 1987 | 8588  | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 134 | Phan Thị Lê Thu        | 1993 | 18337 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |
| 135 | Võ Mộng Thu            | 1982 | 13331 | TP. Hồ Chí Minh | 8 giờ |



|     |                         |      |       |                     |       |
|-----|-------------------------|------|-------|---------------------|-------|
| 136 | Phan Phước Thuận        | 1979 | 5151  | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 137 | Lê Văn Thương           | 1988 | 14234 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 138 | Nguyễn Minh Thường      | 1985 | 6366  | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 139 | Nguyễn Thị Ngọc Thủy    | 1976 | 22184 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 140 | Lê Thị Thủy             | 1992 | 23612 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 141 | Trần Thu Thủy           | 1991 | 18696 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 142 | Nguyễn Thị Thanh Trâm   | 1977 | 11415 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 143 | Nguyễn Ngọc Hương Trang | 1987 | 23950 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 144 | Lưu Thị Xuân Trang      | 1982 | 3596  | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 145 | Nguyễn Thị Huyền Trang  | 1974 | 3582  | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 146 | Võ Thị Bảo Trang        | 1991 | 21829 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 147 | Nguyễn Thị Xuân Trinh   | 1976 | 5178  | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 148 | Đặng Hoàng Đông Trúc    | 1977 | 14236 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 149 | Lê Thị Thanh Trúc       | 1996 | 21834 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 150 | Nguyễn Võ Quốc Trung    | 1997 | 21835 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 151 | Lê Hà Vĩnh Trường       | 1977 | 8331  | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 152 | Lê Lưu Duy Tú           | 1977 | 475   | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 153 | Nguyễn Hoàng Phương Tứ  | 1997 | 23956 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 154 | Phạm Đình Tuấn          | 1972 | 3682  | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 155 | Lin Vĩ Tuấn             | 1977 | 5931  | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 156 | Đinh Văn Tùng           | 1987 | 15445 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 157 | Đặng Thị Thanh Tuyền    | 1986 | 12658 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 158 | Nguyễn Thị Như Uyên     | 1994 | 20506 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 159 | Nguyễn Thị Thanh Vân    | 1971 | 3751  | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 160 | Hoàng Thị Ánh Vân       | 1991 | 23957 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 161 | Trần Thuý Văn           | 1993 | 18110 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 162 | Đặng Thị Tường Vi       | 1988 | 12501 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 163 | Âu Gia Vượng            | 1963 | 21769 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 164 | Nguyễn Đức Thắng Ý      | 1981 | 10863 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 165 | Đào Thị Hoàng Yến       | 1989 | 10527 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 166 | Đỗ Thị Cẩm Yến          | 1997 | 20647 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 167 | Phạm Thị Ngọc Yến       | 1995 | 21353 | TP. Hồ Chí Minh     | 8 giờ |
| 168 | Đoàn Minh Nguyệt        | 1986 | 9156  | ĐLS tỉnh Bến Tre    | 8 giờ |
| 169 | Trần Văn Giàu           | 1986 | 19651 | ĐLS tỉnh Bình Dương | 8 giờ |
| 170 | Phạm Thị Thúy Nga       | 1980 | 4364  | ĐLS tỉnh Tây Ninh   | 8 giờ |

